

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU VÀ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

(Ban hành theo Quyết định số 2356/QĐ-ĐHBK ngày 03/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa)

### I. Quy định về văn bằng, ngành học

Người dự tuyển đã có bằng Đại học với chuyên ngành tốt nghiệp ngành đúng, phù hợp hoặc ngành gần hoặc ngành khác với ngành/chuyên ngành Kiến trúc Mức độ “đúng, phù hợp”, “gần” và “khác” với ngành/chuyên ngành Kiến trúc của các đối tượng tham gia dự tuyển được quy định tại Điều 6 Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

- Danh mục ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành đúng, phù hợp của chương trình đào tạo (Bảng 1).

Bảng 1: Danh mục ngành đúng, phù hợp của CTĐT

STT	Mã ngành	Tên ngành	Ghi chú
1	7580101	Kiến trúc	
2	7580105	Quy hoạch vùng đô thị	
3	7580102	Kiến trúc cảnh quan	

- Danh mục ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành gần của chương trình đào tạo (Bảng 2).

Bảng 2: Danh mục ngành gần của CTĐT

STT	Mã ngành	Tên ngành	Ghi chú
1	7510101	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	
2	7580108	Thiết kế nội thất	
3	7580104	Kiến trúc đô thị	
4	7580103	Kiến trúc nội thất	
5	7580112	Đô thị học	

Danh mục ngành đúng, phù hợp, ngành gần và ngành khác có thể được điều chỉnh hằng năm do Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa quyết định theo đề nghị của Hội đồng Khoa phụ trách chương trình đào tạo.

Việc đánh giá ngành đúng, phù hợp, ngành gần và ngành khác đối với thí sinh dự tuyển dựa trên chương trình đào tạo Đại học mà đối tượng dự tuyển đã tốt nghiệp. Thí sinh nộp bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp và bằng điểm để Hội đồng Khoa xem xét trình Hiệu trưởng quyết định.

## II. Quy định về kinh nghiệm nghề nghiệp

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, phù hợp hoặc người có bằng tốt nghiệp ngành gần, đã học bổ sung kiến thức theo quy định được đăng ký dự tuyển không yêu cầu kinh nghiệm công tác chuyên môn.

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác trong danh sách các ngành được quy định tại Bảng 1 và 2, nhưng vẫn thuộc ngành **Kiến trúc và quy hoạch** (mã 75801 – thông tư 24/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD và ĐT) ngoài việc phải học bổ sung kiến thức theo quy định, phải có tối thiểu 2 (hai) năm công tác trong lĩnh vực phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển. Hồ sơ dự tuyển phải có xác nhận của cơ quan nơi công tác về sự phù hợp của lĩnh vực đang công tác với ngành dự thi.

## III. Quy định về học bổ sung kiến thức

Thí sinh thuộc nhóm ngành đúng và phù hợp không cần học bổ sung kiến thức.

Thí sinh thuộc nhóm ngành gần phải học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức được quy định tại Bảng 2. Học phí đối với các học phần bổ sung theo mức quy định đối với học phí đại học.

Các học phần bổ sung cho thí sinh thuộc nhóm ngành gần:

Tên ngành gần	Các học phần phải học bổ sung	
	Tên học phần	Số TC
Công nghệ kỹ thuật kiến trúc, Thiết kế nội thất, Kiến trúc đô thị, Kiến trúc nội thất, Đô thị học	Kiến trúc nhập môn	02
	Lịch sử Kiến trúc	02

## IV. Môn thi tuyển sinh

Tuyển sinh được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Quyết định số 1091/QĐ-ĐHĐN ngày 29/02/2016 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng.

Các môn thi tuyển:

Môn thi	Môn thi tuyển	Hình thức thi
Ngoại ngữ	Thí sinh được chọn một trong các ngoại ngữ: Tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Trung	Tự luận
Môn chủ chốt	Lịch sử kiến trúc	Tự luận
Môn cơ sở ngành	Kiến trúc nhập môn	Tự luận